

Bản án số: 22/2020/DSST

Ngày : 29/7/2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Quốc Hưng
2. Ông Nguyễn Cửu Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 453/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quý tín dụng A;

Trụ sở: Kiosque số 10, 11 tầng A, chung cư B, khu tái định cư C, Khu phố 3, đường D, phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Kiosque số 10, 11 tầng A, chung cư B, khu tái định cư C, Khu phố 3, đường D, phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh;

Giấy ủy quyền số 168/GUQ-ĐSG ngày 10/12/2019.

- Bị đơn: Bà Cao Thy Mỹ H, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Số 18/5B, Khu phố 3, phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Phan Thị H, sinh năm 1969;
Địa chỉ: Số 18/5B, Khu phố 3, phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hoàng Quân trình bày:

Ngày 17/5/2019, bà Cao Thy Mỹ H và bà Phan Thị H có ký Hợp đồng tín dụng số 172-2018/HĐTD-ĐSG với Quỹ tín dụng A để vay số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng nhằm phục vụ nhu cầu đời sống, trong thời hạn 2 năm, mức lãi suất 30%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hình thức vay: Vay không có tài sản đảm bảo.

Theo hợp đồng tín dụng nêu trên, bà H, bà H2 có nghĩa vụ thanh toán cho Quỹ tín dụng A tiền gốc và lãi vào ngày 17 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng vay. Tuy nhiên, bà H và bà H2 chỉ thực hiện nghĩa vụ một phần nghĩa vụ trả nợ đến tháng 10/2019 và từ ngày 17/11/2019 đến nay không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho quỹ tín dụng, vi phạm Điều 3, Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 172-2018/HĐTD-ĐSG, cụ thể:

+ Ngày 18/06/2018 Huỳnh Thiên L đóng gốc và lãi hợp đồng số tiền là 2.800.000 đồng.

+ Ngày 13/07/2018 Huỳnh Thiên L đóng gốc và lãi hợp đồng số tiền là 2.800.000 đồng.

+ Ngày 20/08/2018 Cao Thy Mỹ H đóng gốc và lãi hợp đồng số tiền là 2.800.000 đồng.

+ Ngày 18/09/2018 Phan Thị H đóng gốc và lãi hợp đồng số tiền là 2.800.000 đồng.

+ Ngày 18/09/2018 Huỳnh Thiên Lập đóng gốc và lãi hợp đồng số tiền là 2.800.000 đồng.

+ Ngày 23/11/2018 Cao Thy Mỹ H đóng gốc và lãi hợp đồng số tiền là 2.800.000 đồng.

+ Ngày 19/12/2018 Huỳnh Thiên L đóng gốc và lãi hợp đồng số tiền là 2.800.000 đồng.

+ Ngày 17/01/2019 Huỳnh Thiên L đóng gốc và lãi hợp đồng số tiền là 2.800.000 đồng.

+ Ngày 18/02/2019 Huỳnh Thiên L đóng gốc và lãi hợp đồng số tiền là 2.800.000 đồng.

+ Ngày 18/03/2019 Huỳnh Thiên L đóng gốc và lãi hợp đồng số tiền là 2.800.000 đồng.

+ Ngày 10/04/2019 Huỳnh Thiên L đóng gốc và lãi hợp đồng số tiền là 2.800.000 đồng.

+ Ngày 23/05/2019 Phan Thị H đóng gốc và lãi hợp đồng số tiền là 2.800.000 đồng.

+ Ngày 17/06/2019 Phan Thị H đóng gốc và lãi hợp đồng số tiền là 2.800.000 đồng.

+ Ngày 20/07/2019 Cao Thy Mỹ H đóng gốc và lãi hợp đồng số tiền là 2.800.000 đồng.

+ Ngày 21/08/2019 Phan Thị H đóng gốc và lãi hợp đồng số tiền là 2.800.000 đồng.

+ Ngày 09/10/2019 Cao Thy Mỹ H đóng gốc và lãi hợp đồng số tiền là 2.800.000 đồng.

+ Ngày 09/10/2019 Cao Thy Mỹ H đlãi phạt hợp đồng số tiền là 65.000 đồng.

+ Ngày 25/10/2019 Phan Thị H đóng gốc và lãi hợp đồng số tiền là 2.800.000 đồng

Bà H và bà H2 không thực hiện thanh toán đúng theo hợp đồng đã ký cho quỹ tín dụng Đông Sài Gòn, vì vậy Quỹ tín dụng Đông Sài Gòn yêu cầu giải quyết nợ vay quá hạn và thanh lý hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

Tạm tính đến ngày 29/7/2020, bà H và bà H2 còn thiếu Quỹ tín dụng nhân dân Đông Sài Gòn số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/7/2020 với tổng số tiền phải thanh toán là 24.111.000đồng, cụ thể như sau: Nợ gốc: 17.983.000 đồng, lãi quá hạn: 5.654.000 đồng, lãi trong hạn: 474.000đồng. Tiền lãi tiếp tục được tính theo Hợp đồng tín dụng số 172-2018/HĐTD-ĐSG cho đến khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ tương ứng với thời gian và số tiền chưa thanh toán.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Cao Thy Mỹ H, và bà Phan Thị H đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 172-2018/HĐTD-ĐSG ngày 17/5/2019, có cơ sở xác định giữa Quỹ tín dụng A với bà H, bà H2 đã ký kết hợp đồng nêu trên. bà H, bà H2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó Quỹ tín dụng A khởi kiện yêu cầu thanh toán tiền gốc và lãi là có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo kết quả xác minh của Công an phường Bình An, Quận 2, bà Cao Thy Mỹ H, và bà Phan Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 18/5B, Khu phố 3, phường Bình An, Quận 2. Căn cứ theo hợp đồng tín dụng số 172-2018/HĐTD-ĐSG ngày 17/5/2019, thể hiện địa chỉ của bà H, bà H2 tại địa chỉ: Số 18/5B, Khu phố 3, phường Bình An, Quận 2. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn có nơi cư trú tại Quận 2. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, căn cứ điểm a, Khoản 2, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân Quận 2 thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H, bà H2 không tham gia tố tụng để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng để bà H, bà H2 tham gia giải quyết vụ án nhưng vẫn không đến theo giấy triệu tập của Tòa án. Do đó, căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, bà H2.

Tòa án đã tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26/3/2020, và ngày 08/6/2020. Tại phiên tòa hôm nay, đương sự không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ mới, không khiếu nại các tài liệu, chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và các chứng cứ, tài liệu do Tòa án thu thập, không đề nghị Tòa án triệu tập thêm người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. Các đương sự có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình có căn cứ và hợp pháp, và chịu trách nhiệm về nghĩa vụ cung cấp chứng cứ của mình theo quy định tại Điều 6 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia quá trình giải quyết vụ án và cung cấp các chứng cứ, tài liệu liên quan nhưng vắng mặt, phải chịu trách nhiệm vì sự vắng mặt của mình. Do đó, Tòa án căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết theo quy định.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 172-2018/HĐTD-ĐSG ngày 17/5/2019, khế ước nhận nợ số 172-2018/KUNN-ĐSG ngày 17/5/2018 được ký kết giữa Quỹ tín dụng A với bà H, bà H2. Xét, đây là thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, không vi phạm pháp luật, nên ràng buộc trách nhiệm của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà H, bà H2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết, vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 3, Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 172-2018/HĐTD-ĐSG. Do đó, Quỹ tín dụng A khởi kiện yêu cầu buộc trả tiền gốc 17.983.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với tiền lãi, trong đó lãi quá hạn: 5.654.000 đồng, lãi trong hạn: 474.000đồng tạm tính đến ngày 28/7/2020, căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 qui định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Các bên tự nguyện thỏa thuận về mức tiền lãi, và được quy định trong hợp đồng. Căn cứ theo Điều 3, Điều 6 Hợp đồng tín dụng số 172-2018/HĐTD-ĐSG, yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng A buộc bà H, bà H2 phải trả tiền lãi là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm vì yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 281, 290, 471, 473, 474, 361, 362, 363, 367, 369 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng A: Buộc bà Cao Thị Mỹ Hiền, bà Phan Thị H phải thanh toán tổng số tiền là 24.111.000đồng, cụ thể như sau: Nợ gốc: 17.983.000 đồng, lãi quá hạn: 5.654.000 đồng, lãi trong hạn: 474.000đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 28/7/2020.

Kể từ ngày 29/7/2020 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng số 172-2018/HĐTD-ĐSG ngày 17/5/2018. Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Thời hạn thanh toán: Trả ngay một lần, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật. Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cao Thị Mỹ Hiền, bà Phan Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.205.550đồng.

Hoàn trả cho Quỹ tín dụng A số tiền 471.525đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0027187 ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc được niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hiếu

- Nơi nhận:***
- Các đương sự;
 - Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
 - Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 4;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hiếu

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 00 phút, ngày 20/4/2018, tại Phòng nghị án Toà án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phước

2. Ông Phan Kim Mỹ

đã nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 311/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng;
Trụ sở: 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;
Địa chỉ chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh: 165-167-169 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
Đại diện ủy quyền bà Lương Thị Thanh Tâm, sinh năm: 1990 (có mặt);
Văn bản ủy quyền ngày 17/11/2017.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Nguyệt, sinh năm: 1968 (vắng mặt);
Địa chỉ: 454 Nguyễn Duy Trinh, khu phố 5, phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi nghiên cứu tài liệu trong hồ sơ vụ án, tranh luận và xác nhận của các đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã thảo luận, biểu quyết 3/3, đạt 100%, về từng vấn đề như sau:

I. Về tố tụng:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39, Điều 147, điểm B Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 342, 343, 471, 474, Khoản 2 Điều 468 và Điều 715 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

II. Về đường lối:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng: Buộc bà Nguyễn Thị Nguyệt phải thanh toán là: 15,078,000 đồng (Mười lăm triệu, không trăm bảy mươi tám ngàn đồng chẵn), trong đó bao gồm: Số tiền nợ gốc là 12,413,504 đồng, tiền lãi là 2,664,496 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thời hạn thanh toán: Trả ngay một lần, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật. Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Nguyệt phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 753.900đồng (*bảy trăm năm mươi ba ngàn, chín trăm đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng số tiền 376.950đồng (*Ba trăm bảy mươi sáu ngàn, chín trăm năm mươi đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0008684 ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Hiếu

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Muôn